

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 07-3-2025

V/v “T/c hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thành Đông
2. Ông Nguyễn Văn Lem

- **T ký phiên tòa:** bà Trần Thị Bình Nguyên – T ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST –DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2024/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, quyết định phân công lại Hội thẩm nhân dân số: 04/2025/QĐST - DS ngày 09 tháng 01 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2025, quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2025/QĐST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 20 tháng 02 năm 2025 và quyết định phân công lại Hội thẩm nhân dân số: 12/2025/QĐST - DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; địa chỉ: số 118, ấp Thập Tư, xã T, huyện G, tỉnh B (có mặt). *Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1985; địa chỉ: số 424, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1965; địa chỉ: số 136, ấp Long Điền, xã P, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo uỷ quyền:* bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ Tòng trú: ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: số 92, ấp A, xã T (trước đây là xã A), huyện C, tỉnh B (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: số 136, ấp L, xã P, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo uỷ quyền:* bà Lê Thị

Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ Thường trú: ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: số 92, ấp A1, xã T (trước đây là xã A), huyện C, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T1 trình bày:

Vào năm 2017, sau khi vay tiền từ Ngân hàng, bà S đã cho ông G vay lại số tiền 150.000.000 đồng. Hợp đồng vay chỉ nói miệng, có lãi suất (mức lãi suất hiện không nhớ), không thời hạn, người nhận tiền là ông G. Sau khi vay, ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi, tiền vay cho bà S. Đến khoảng năm 2020, mặc dù bà S yêu cầu trả nợ nhưng ông G trì hoãn, không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngoài ra, vào năm 2020, bà S có bán thức ăn chăn nuôi (heo, vịt) cho ông G, bà X. Việc mua bán, hai bên chỉ nói miệng, thỏa thuận: bên bán giao số lượng thức ăn cho bên mua thành từng đợt theo yêu cầu của bên mua, bên mua sẽ thanh toán khi bán heo, vịt, giá thức ăn tính tại thời điểm giao. Sau đó, hai bên thực hiện như thỏa thuận. Khi giao thức ăn, bà S ghi số lượng giao vào sổ, bên mua ký nhận. Đến đầu năm 2023, do ông G, bà X chăn nuôi thua lỗ, không trả tiền nên hai bên ngừng mua bán và phát sinh tranh chấp đến nay.

Ngày 21/4/2023, hai bên tổng kết số tiền còn nợ là 2.207.440.000 đồng. Sau đó, ông G, bà X trả được 500.000.000 đồng nên tính đến ngày 03/4/2024 còn nợ lại 1.707.440.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà S yêu cầu ông G, bà X có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 1.857.440.000 đồng (trong đó: tiền nợ thức ăn 1.707.440.000 đồng, tiền vay 150.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính từ ngày 04/4/2024 đến ngày 04/5/2024 ($01 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 1.857.440.000 \text{ đồng}$) là 15.416.752 đồng. Tổng cộng 1.872.440.752 đồng.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu với tài liệu, chứng cứ (bản photo) do ông G nộp cho Tòa án vào ngày 15/11/2024, bà S thừa nhận sau ngày 03/4/2024, ông G, bà X có trả thêm 04 lần với tổng số tiền 440.000.000 đồng (ngày 18/6/2024 trả 200.000.000 đồng; ngày 26/7/2024 trả 50.000.000 đồng; ngày 29/8/2024 trả 40.000.000 đồng và ngày 24/10/2024 trả 150.000.000 đồng) nên còn nợ lại tiền thức ăn là 1.267.440.000 đồng.

Vì vậy, đối với tiền thức ăn, bà S yêu cầu ông G, bà X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ tính đến ngày 24/10/2024 là 1.267.440.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 105.884.000 đồng, cụ thể:

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.707.440.000 đồng từ ngày 04/4/2024 đến ngày 18/6/2024: $1.707.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 28.416.752 \text{ đồng}$

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.507.440.000 đồng từ ngày 19/6/2024 đến ngày 26/7/2024: $1.507.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 15.430.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.457.440.000 đồng từ ngày 27/7/2024 đến ngày 29/8/2024: $1.457.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 12.899.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.417.440.000 đồng từ ngày 30/8/2024 đến ngày 24/10/2024: $1.417.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 21.561.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.267.440.000 đồng từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/12/2024: $1.267.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 21.039.000 \text{ đồng}$.

Tổng gốc, lãi là 1.373.324.000 đồng.

Do đó, bà S yêu cầu ông G, bà X có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền còn nợ là 1.523.324.000 đồng (trong đó: tiền nợ thức ăn gốc, lãi là 1.373.324.000 đồng, tiền vay 150.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/12/2024 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Văn G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X và người đại diện theo uỷ quyền của ông G, bà X là bà Lê Thị Anh T trình bày:

Khoảng năm 2019, giữa ông G và bà S có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, vịt. Các nội dung thoả thuận, số lượng thức ăn giao, thời điểm thanh toán, số tiền thức ăn hiện ông G không nhớ. Chỉ nhớ do bà S gây khó khăn cho ông G trong việc chăn nuôi bởi không giao đầy đủ số lượng thức ăn nên hai bên ngừng mua bán vào khoảng năm 2022 – 2023.

Đến năm 2024, hai bên kết toán ông G còn nợ bà S số tiền khoảng hơn một tỷ đồng. Việc kết toán, hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói. Sau đó, ông G đã thanh toán dứt điểm một lần số nợ trên cho bà S vào khoảng 11/2024. Khi trả tiền, hai bên cũng không lập thành văn bản. Từ sau khi ngừng việc mua bán, hai bên không còn giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nào khác. Do đó, đối với trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà S về tiền nợ thức ăn, ông G không đồng ý.

Ngoài ra, giữa ông G và bà S cũng có giao kết với nhau những hợp đồng vay tiền. Mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, thời gian vay Tòng ngắn, chỉ từ 1 – 2 ngày, số tiền dao động từ khoảng 200.000.000 đồng – 1.000.000.000 đồng và đều không lập thành văn bản. Tuy nhiên, các hợp đồng đó đều đã chấm dứt, ông G đã trả xong cho bà S. Từ sau khi hai bên ngừng việc mua bán thức ăn (khoảng năm 2022, 2023), ông G không còn vay tiền nữa. Lân vay gần nhất với số tiền là bao nhiêu thì ông không nhớ.

Ông G và bà X chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B. Quá trình chung sống, ông bà làm ăn

chung, việc chăn nuôi là công việc chung của vợ chồng. Vợ chồng ông bà không vay số tiền 150.000.000 đồng vào năm 2017 như trình bày của bà S. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà S về tiền vay trên, ông G, bà X không đồng ý.

Tại phiên toà:

Bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Thành T1 trình bày sau khi kết toán số tiền còn nợ 2.207.440.000 đồng vào ngày 21/4/2023, hai bên thoả thuận đến ngày 03/4/2024 ông G, bà X phải trả trước số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó, ông G, bà X không thực hiện đúng mà chỉ trả được số tiền 500.000.000 đồng và còn nợ lại 1.707.440.000 đồng nên hai bên phát sinh tranh chấp. Các nội dung khác, bà S giữ nguyên trình bày như trong quá trình tố tụng. Về phần yêu cầu, bà S:

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền vay 150.000.000 đồng và tiền nợ thức ăn 440.000.000 đồng;

- Yêu cầu ông G, bà X có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà S tiền thức ăn còn nợ 1.267.440.000 đồng và tiền lãi chậm trả 130.079.429 đồng. Cụ thể như sau:

- + Lãi chậm trả đối với nợ gốc 1.707.440.000 đồng từ ngày 04/4/2024 đến ngày 18/6/2024 ($1.707.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 14 \text{ ngày}$) là 34.955.000 đồng;

- + Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.507.440.000 đồng từ ngày 19/6/2024 đến ngày 26/7/2024 ($1.507.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 07 \text{ ngày}$) là 15.430.000 đồng;

- + Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.457.440.000 đồng từ ngày 27/7/2024 đến ngày 29/8/2024 ($1.457.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 02 \text{ ngày}$) là 12.899.000 đồng;

- + Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.417.440.000 đồng từ ngày 30/8/2024 đến ngày 24/10/2024 ($1.417.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 25 \text{ ngày}$) là 21.561.000 đồng;

- + Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.267.440.000 đồng từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/12/2024 ($1.267.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng}$) là 21.039.000 đồng;

- + Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.267.440.000 đồng từ ngày 26/12/2024 đến ngày 07/3/2025 ($1.267.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 9 \text{ ngày}$) là 24.195.429 đồng.

Tổng gốc, lãi chậm trả là 1.397.519.429 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X là bà Lê Thị Anh T trình bày:

- Ông G, bà X có mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Trần Thị Cẩm Tú (Trưởng Văn phòng Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, nơi bà T

làm việc) và yêu cầu hoãn phiên tòa để có thời gian trao đổi cùng Luật sư nội dung vụ án nhằm bảo vệ quyền lợi cho ông G, bà X.

- Về nội dung vụ án, ông G, bà X không thừa nhận nợ vay, nay bà S rút yêu cầu khởi kiện thì ông G, bà X không có ý kiến. Đối với hợp đồng mua bán thức ăn, thời điểm hai bên kết toán là ngày 16/2/2023 với số tiền còn nợ là 2.207.440.000 đồng. Các nội dung khác, ông G giữ nguyên như trình bày trong quá trình tố tụng. Hiện ông G, bà X đồng ý liên đới trả tiền thức ăn còn nợ tính đến ngày 24/10/2024 là 1.267.440.000 đồng, trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng; không đồng ý trả lãi do khi kết toán hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ và bà S cũng không thông báo trước.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử, T ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia đầy đủ các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải. Bị đơn, người liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các điều 430, 440, 463, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ thức ăn là 1.267.440.000 đồng, lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 150.000.000 đồng và số tiền 440.000.000 đồng của hợp đồng mua bán tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X là bà Lê Thị Anh T cung cấp “*GIẤY YÊU CẦU LUẬT SƯ*”

của ông G, bà X đề ngày 06/3/2025, “*GIẤY GIỚI THIỆU*” Luật sư Trần Thị Cẩm Tú được cử đến Toà án về việc đăng ký tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G, bà X số 03/GTT cùng ngày 28/02/2025 của Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, “*ĐƠN XIN HOÃN PHIÊN TOÀ*” ngày 07/3/2025 của bà Trần Thị Cẩm Tú với lý do “... *bận công việc gia đình*” và yêu cầu hoãn phiên toà để có thời gian trao đổi nội dung vụ án với Luật sư Tú. Hội đồng xét xử xét thấy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông G, bà X không cung cấp bản khai, không tham dự các phiên hoà giải vào các ngày 31/10/2024, 18/11/2024. Sau khi Toà án đưa vụ án ra xét xử, ông G, bà X mới nộp bản tự khai, có đơn yêu cầu giám định chữ viết và vắng mặt không lý do tại các phiên toà vào ngày 10/01/2025, 10/02/2025 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được bà T sao chụp vào ngày 22/01/2025; kết luận giám định cũng đã được giao cho bà T vào ngày 28/02/2025. Phiên toà xét xử hôm nay được mở lại theo Thông báo mở lại phiên toà số 01 ngày 20/02/2025 do phiên toà ngày 10/2/2025 được tạm ngừng để thu thập bổ sung chứng cứ là Kết quả giám định chữ ký, chữ viết theo yêu cầu của ông G. Bên cạnh đó, xét thủ tục mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G, bà X tại phiên toà cũng không phù hợp, không được chấp nhận. Bởi “*GIẤY YÊU CẦU LUẬT SU*” của ông G, bà X đề ngày 06/3/2025 nhưng “*GIẤY GIỚI THIỆU*” Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần lại đề ngày 28/02/2025, tức là thời điểm Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần giới thiệu Luật sư Tú xảy ra trước khi đương sự có văn bản yêu cầu. Vì vậy, có cơ sở nhận định yêu cầu hoãn phiên toà của người đại diện theo uỷ quyền của ông G, bà X với lý do trên là nhằm mục đích kéo dài thời gian giải quyết vụ án, không phù hợp với quy định pháp luật, nguyên đơn bà S và người đại diện theo uỷ quyền của bà S là ông Nguyễn Thành T1 cũng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về quan hệ pháp luật: theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và tiền mua thức ăn còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: tại phiên toà, bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo uỷ quyền của bà S là ông Nguyễn Thành T1 yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả tiền thức ăn còn nợ 1.267.440.000 đồng, tiền lãi chậm trả 130.079.429 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, năm 2020, bà S có bán thức ăn chăn nuôi (heo, vịt) cho ông G, bà X. Đến đầu năm 2023, do ông G, bà X chăn nuôi thua lỗ, không trả tiền nên hai bên ngừng mua bán và phát sinh tranh chấp. Ngày 21/4/2023, hai bên tổng kết số tiền còn nợ là 2.207.440.000 đồng. Sau đó, ông G, bà X trả được 500.000.000 đồng nên tính đến ngày 03/4/2024 còn nợ lại 1.707.440.000 đồng. Sau ngày 03/4/2024, ông G, bà X có trả thêm 04 lần với tổng số tiền là 440.000.000 đồng (ngày 18/6/2024 trả 200.000.000 đồng; ngày 26/7/2024 trả 50.000.000 đồng; ngày 29/8/2024 trả 40.000.000 đồng và ngày 24/10/2024 trả 150.000.000 đồng) nên còn nợ lại 1.267.440.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là xác

nhận nợ số tiền 1.457.440.000 đồng vào ngày 26/7/2024 ghi nhận trong sổ tay đã được giám định, kết quả giám định kết luận là chữ ký của ông G.

[2] Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Huỳnh Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X thừa nhận khoảng năm 2020, giữa ông G và bà S có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Việc mua bán được thực hiện đến năm 2023. Ngày 16/02/2023, hai bên thoả thuận ngừng mua bán và kết toán số tiền thức ăn ông G còn nợ bà S là 2.207.440.000 đồng. Việc kết toán, hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói. Sau nhiều lần trả nợ, hiện ông G, bà X còn nợ bà S 1.267.440.000 đồng.

[3] Như vậy, qua trình bày, sự thừa nhận của ông G, bà X (thông qua người đại diện hợp pháp) có cơ sở xác định trình bày của bà S về việc hai bên có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn vào năm 2020, thực hiện hợp đồng đến năm 2023 và số tiền còn nợ (tính đến ngày 24/10/2024) 1.267.440.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi: tại phiên toà, bà S yêu cầu tiền lãi chậm trả 130.079.429 đồng, cụ thể như sau:

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.707.440.000 đồng từ ngày 04/4/2024 đến ngày 18/6/2024: $1.707.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 34.955.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.507.440.000 đồng từ ngày 19/6/2024 đến ngày 26/7/2024: $1.507.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 15.430.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.457.440.000 đồng từ ngày 27/7/2024 đến ngày 29/8/2024: $1.457.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 12.899.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.417.440.000 đồng từ ngày 30/8/2024 đến ngày 24/10/2024: $1.417.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 21.561.000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm trả đối với khoản nợ gốc 1.267.440.000 đồng từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/12/2024: $1.267.440.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 21.039.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử xét thấy theo tài liệu, chứng cứ là bản chính Sổ tay do ông G giao nộp vào ngày 28/02/2025 (trong đó, bản photo ông G giao nộp vào ngày 15/11/2024) thể hiện:

- Ngày 03/4/2024: trả 100.000.000 đồng nên còn nợ 1.707.440.000 đồng;
- Ngày 18/6/2024: trả 200.000.000 đồng nên còn nợ 1.507.440.000 đồng;
- Ngày 26/7/2024: trả 50.000.000 đồng nên còn nợ 1.457.440.000 đồng;
- Ngày 29/8/2024: trả 40.000.000 đồng nên còn nợ 1.417.440.000 đồng;
- Ngày 24/10/2024: trả 150.000.000 đồng nên còn nợ 1.267.440.000 đồng;

Xét thấy số tiền còn nợ tại từng thời điểm thể hiện trong chứng cứ do ông G cung cấp phù hợp với trình bày và chứng cứ là sổ tay do bà S cung cấp vào ngày 21/01/2025. Theo tài liệu, chứng cứ do bà S cung cấp thì tại thời điểm ngày 26/7/2024, sau khi trả số tiền 50.000.000 đồng số tiền còn nợ là 1.457.440.000 đồng. Và chữ ký “Ganh”, chữ viết “Huỳnh Văn G” trong tài liệu trên qua kết luận giám định là chữ ký, chữ viết của ông G. Như vậy, đối chiếu các tài liệu do hai bên cung cấp, trình bày của hai bên về thời điểm thoả thuận ngừng việc mua bán và kết toán số tiền còn nợ, về thời gian trả nợ, số tiền của từng lần trả nợ có cơ sở xác định ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với bà S từ ngày 03/4/2024. Ông G cho rằng do khi kết toán hai bên không thoả thuận thời gian trả nợ và bà S cũng không thông báo trước nên không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà S là không có căn cứ. Vì vậy xét yêu cầu trả lãi chậm trả của bà S với tổng số tiền 130.079.429 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với bà Trần Thị X, mặc dù bà S không có chứng cứ chứng minh bà X có tham gia giao kết hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh và trình bày của các bên thì ông G và bà X chung sống với nhau từ khoảng năm 1982 đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện G, tỉnh B vào năm 1996; quá trình chung sống ông bà có nghề chăn nuôi và cùng làm ăn chung. Vì vậy, yêu cầu của bà S đối với bà X về việc có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông G là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của bà S về việc yêu cầu ông G, bà X có nghĩa vụ liên đới trả tiền thức ăn còn nợ 1.267.440.000 đồng, tiền lãi chậm trả 130.079.429 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với tiền vay 150.000.000 đồng và tiền nợ thức ăn 440.000.000 đồng: tại phiên toà, bà S rút yêu cầu khởi kiện. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của bà S là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ giải quyết.

[8] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về chi phí giám định: 3.472.000 đồng. Ông Huỳnh Văn G phải chịu theo quy định tại các điều 159, 161 Bộ luật tố tụng dân sự (đã nộp xong).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên ông G, bà X phải liên đới nộp số tiền án phí (36.000.000 đồng + 3% x 597.519.429 đồng) là 53.925.582 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các điều 159, 161, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27, 37 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tiền thức ăn còn nợ là 1.397.519.429đ (một tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng). Gồm:

- Tiền gốc: 1.267.440.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);

- Tiền lãi chậm trả: 130.079.429đ (một trăm ba mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về tiền vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền thức ăn 440.000.000đ (bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Chi phí giám định: 3.472.000đ (ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) ông Huỳnh Văn G phải chịu (đã nộp xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Huỳnh Văn G, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là 53.925.582 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi hai đồng).

Chi Cục thi hành án dân sự huyện G trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.086.000đ (ba mươi bốn triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004189 ngày 08 tháng 10 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay vào lúc giờ phút, ngày

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận:- Viện
kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 32/2025/DS-ST ngày 07/3/2025 của TAND
huyện G (Nguyễn Thị S – Huỳnh Văn G).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi giờ.....phút cùng ngày

Người giao

Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên

,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,